

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST  
Ngày 21-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

*Các Hội Thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Thanh Nhân.

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/HSST, ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn Ng**, sinh năm 1982 tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp 7\*, xã A, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ văn hoá: 7/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1928 (chết) và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1945. Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1984. Vợ tên Võ Thị T, sinh năm 1985. Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**2. Nguyễn Văn Vũ N**, sinh năm 1984 tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp 4\*, xã A, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Mai Thị B, sinh năm 1955. Anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1985. Vợ tên Lê Mộng T1, sinh năm 1985. Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**3. Lê Bửu T**, sinh năm 1973 tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp 5\*, xã A, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 10/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Lê Bửu T1, sinh năm 1937 (chết) và bà Châu Thị X, sinh năm 1939. Anh chị em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1965, nhỏ nhất sinh năm 1971. Vợ tên Trương Thị Thu S, sinh năm 1978. Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bắt bị tạm giam từ ngày 11/5/2020 đến ngày 19/6/2020, sau đó được tại ngoại điều tra; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**4. Nguyễn Trường S, sinh năm 1970 tại tỉnh Trà Vinh.**

Nơi cư trú: ấp 7\*, xã A, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 3/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Lai T, sinh năm 1928 (chết) và bà Đoàn Thị N, sinh năm 1930. Anh chị em ruột: có 08 người, lớn nhất sinh năm 1950, nhỏ nhất sinh năm 1973. Vợ tên Nguyễn Thị N1, sinh năm 1972. Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền sự: 01. Ngày 11/02/2020 bị Công an huyện Càng Long xử phạt hình chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Tiền án: không.

Bị cáo bắt bị tạm giam từ ngày 11/5/2020 đến ngày 19/6/2020, sau đó được tại ngoại điều tra; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**- Người làm chứng:**

1. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp 6\*, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Anh Lục Minh H, sinh năm 1987. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp CA, xã L, huyện C, tỉnh T.

3. Anh Trần Văn X, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp 6\*, xã A, huyện C, tỉnh T.

***Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm:*** không có.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 02 năm 2020, bị cáo Lê Bửu T gọi điện thoại rủ bị cáo Nguyễn Trường S đánh bạc ăn thua bằng tiền thì S đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán cà phê của bà hai Bò tọa lạc ấp 5A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Đến đây, bị cáo S, bị cáo T rủ thêm bị cáo Nguyễn Văn Vũ N và bị cáo Nguyễn Văn Ng thì N và Ng đều đồng ý tham gia đánh bạc. Sau đó, bị cáo T mua 03 bộ bài tây loại 52 lá rồi cùng bị cáo S, bị cáo N và bị cáo Ng đi đến căn nhà không người ở của bà Nguyễn Thị Nguyệt, tọa lạc ấp 5A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh để đánh bạc ăn thua bằng tiền.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày các bị cáo S, T, Ng và N thực hiện hành vi đánh bạc, dưới hình thức đánh bài binh xập xám (mậu binh), gồm 04 tụ bài chia đều cho bốn tụ (mỗi tụ bài một bị cáo), mỗi bị cáo gồm 13 lá bài, mỗi tụ thay nhau làm cái (chia bài) một ván bài xoay vòng, số tiền cá cược là 100.000 đồng đá giáp, nếu tụ bài lớn nhất thắng tụ bài nhỏ nhất (thua nhất) là 300.000 đồng, nếu tụ bài lớn thứ hai thắng tụ bài nhỏ thứ hai (thua nhì) là 100.000 đồng. Chung tiền trực tiếp sau khi ván bài thắng thua mà không đặt tiền trước. Trong thời gian đánh bài nếu tụ bài nào lớn nhất mà thuộc các dạng bài bài như: tứ quý, sáu đôi, ba cái sảnh, ba cái thùng, thùng phá sảnh thì tụ đó bỏ ra 20.000 đồng vào lon sữa dùng để mua nước uống, thuốc hút... trong suốt thời gian đánh bài.

Bị cáo Nguyễn Trường S mang theo số tiền 2.500.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, bị cáo lấy ra trước 1.000.000 đồng, khi Công an đến kiểm tra thì S thắng được khoảng 600.000 đồng; bị cáo Lê Bửu T mang theo số tiền 8.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, bị cáo lấy ra trước 1.000.000 đồng (để trên chiếu bạc 600.000 đồng), Công an đến kiểm tra T không nhớ thắng được bao nhiêu tiền; bị cáo Nguyễn Văn Ng mang theo số tiền 4.800.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi Công an đến kiểm tra thì Ng thua số tiền hơn 2.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Vũ N mang theo số tiền 3.000.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi Công an đến kiểm tra thì N thắng số tiền khoảng 200.000 đồng. Tất cả số tiền đánh bạc, các bị cáo để trên chiếu bạc trước mặt ngay chỗ ngồi hoặc để vào bên trong ống quần dài, nếu thua thì lấy tiền ra chung, nếu thắng thì để vào. Tổng số tiền các bị can dùng vào mục đích đánh bạc là 8.500.000 đồng. Khi Công an đến kiểm tra thì thu giữ số tiền đánh bạc tại chiếu bạc và xung quanh chiếu bạc là 5.510.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn Vũ N, Lê Bửu T và Nguyễn Trường S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Trường S và Nguyễn Văn Vũ N khai nhận, trước ngày bị bắt quả tang vào ngày 12 tháng 02 năm 2020 các bị cáo còn tham gia đánh bạc trái phép tại căn nhà của bà Nguyễn Thị Nguyệt, tọa lạc tại địa chỉ trên với hình thức đánh bài xập xám và số tiền ăn thua giống ngày bị bắt quả tang.

Xét thấy, ngoài thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 13 tháng 02 năm 2020, bị cáo Nguyễn Trường S còn thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 12 tháng 02 năm 2020 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Đánh bạc xảy ra ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại ấp 5A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 12 tháng 10 năm 2019, bị cáo Nguyễn Trường S có hành vi đánh bạc trái phép, đến ngày 11 tháng 02 năm 2020 Công an huyện Càng Long ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo S số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép và bị cáo S đã nộp phạt ngày 11/02/2020.

Tang vật thu giữ:

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: 05 (năm) bộ bài tây loại 52 lá, trong đó 02 bộ đã qua sử dụng và 03 bộ chưa qua sử dụng; tiền Việt N đồng: 5.510.000 đồng; 01 (một) chiếc chiếu bằng lát được nhuộm nhiều màu và 01 (một) vỏ lon sữa bằng kim loại hiệu Similac đã qua sử dụng.

Tạm giữ đồ vật, tài liệu như sau:

Kiểm tra trên người của Lê Bửu T tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen và 7.400.000 đồng;

Kiểm tra trên người của Nguyễn Văn Ng tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen và 300.000 đồng;

Kiểm tra trên người của Nguyễn Trường S tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, màn hình cảm ứng và 1.500.000 đồng;

Kiểm tra trên người của Nguyễn Văn Vũ N tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, màn hình cảm ứng và 2.500.000 đồng;

Kiểm tra trên người của Đặng Văn Đ tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu đen;

Kiểm tra trên người của Lục Minh H tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, màn hình cảm ứng;

Kiểm tra trên người của Trần Văn X tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel loại bàn phím, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, màn hình cảm ứng và 2.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác minh đã trao trả cho Đặng Văn Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu đen và Lục Minh H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, màn hình cảm ứng.

Vật chứng còn lại:

- Tiền Việt Nam: 17.210.000 đồng;
- 05 (năm) bộ bài tây loại 52 lá, trong đó 02 bộ đã qua sử dụng và 03 bộ chưa qua sử dụng;
- 01 (một) chiếc chiếu bằng lát được nhuộm nhiều màu;
- 01 (một) vỏ lon sữa bằng kim loại hiệu Similac đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, màn hình cảm ứng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, màn hình cảm ứng;

***Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Mau:***

Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

***\* Đối với bị cáo Lê Bửu T:***

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Bửu T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

***\* Đối với bị cáo Nguyễn Trường S:***

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

*\* Đối với bị cáo Nguyễn Văn Vũ N:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Vũ N từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

*\* Đối với bị cáo Nguyễn Văn Ng:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ng từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng vụ án và án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo theo quy định.

*Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.*

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo không có lời nói sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người làm chứng có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, việc chơi bài binh xập xám được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc trái với quy định của pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý của Nhà nước và trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an địa phương. Pháp luật nhà nước ta nghiêm cấm đánh bạc trái phép, ăn thua bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào nhằm thu lợi bất chính. Việc chơi bài binh xập xám được thua bằng tiền không cần phải tốn nhiều công sức nhưng vẫn thu lợi nhuận rất cao nên các bị cáo bất chấp pháp luật dùng mọi thủ đoạn nhằm qua mặt chính quyền địa phương và các Cơ quan bảo vệ pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính xem thường pháp luật nên các bị cáo bất chấp vi phạm. Đáng lẽ các bị cáo phải biết sửa chữa lỗi lầm của mình để trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo không làm được việc này và tiếp tục vi phạm.

Thực tế cho thấy, đánh bạc được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội là Ng nhân phát sinh ra cảnh đói nghèo và các loại tội phạm khác gây mất ổn định về trật tự xã hội ở địa phương, tham gia đánh bạc nhiều con bạc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phát sinh mâu thuẫn gia đình dẫn đến mất hạnh phúc và hơn thế nữa việc đánh bạc đã tạo nên gánh nặng cho xã hội.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, lẽ ra các bị cáo phải biết chọn cho mình một nghề nghiệp chính đáng để có thu nhập nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng với bản tính đố, đen và háms lợi từ việc đánh bạc thu lợi nhuận cao, từ những tư tưởng và suy nghĩ đó đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò khác nhau vì vậy cần phải xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có một phán quyết khách quan và đúng qui định của pháp luật.

*Đối với bị cáo Lê Bửu T:* Bị cáo là người giữ vai trò chính, bị cáo đã trực tiếp rủ rê các bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng đánh bạc ăn thua bằng tiền. Do đó cần xử phạt bị cáo một hình phạt thật nghiêm mới có thể cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và gia đình, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

*Đối với bị cáo Nguyễn Trường S:* là người cùng với bị cáo T trực tiếp rủ rê các bị cáo Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng đánh bạc ăn thua bằng tiền. Trước đó, bị cáo Nguyễn Trường S bị Công an huyện Càng Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là pháp luật nghiêm cấm nhưng lại tiếp tục vi phạm hành vi đánh bạc. Thể hiện bị cáo xem thường pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo một hình phạt phù hợp, tương xứng với

hành vi phạm tội mới có thể cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và gia đình, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

*Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng:* các bị cáo là người tuy không đứng ra rủ rê các bị cáo khác đánh bạc nhưng sau khi được các bị cáo T và S rủ đánh bạc thì các bị cáo đồng ý và các bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền với các bị cáo Lê Bửu T và Nguyễn Trường S. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một hình phạt nhất định, mới có thể cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và gia đình.

[5] Tình hình đánh bạc và các tệ nạn xã hội thời gian gần đây trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và huyện Càng Long xảy ra ngày càng nhiều, hành vi phạm tội hết sức tinh vi, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tạo nhiều gánh nặng cho xã hội. Nhằm để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt hình sự các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng là cần thiết, nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo Lê Bửu T có cậu ruột Châu Văn Đ và chú ruột Lê Văn C đều là liệt sĩ; bị cáo Nguyễn Văn Vũ N có cha ruột ông Nguyễn Văn T có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Trường S có hoàn cảnh gia đình đơn chiếc, có mẹ ruột là bà Đoàn Thị N hiện nay đã 90 tuổi, bệnh nặng, có bà ngoại ruột của vợ là bà Trần Thị Tốt bà mẹ Việt N anh hùng và ông ngoại ruột của vợ là ông Đinh Văn Quyền là liệt sĩ. Do các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với Trần Văn X, Đặng Văn Đ và Lục Minh H không tham gia đánh bạc nên không xử lý.

[6] **Về vật chứng:** Xét thấy 05 (năm) bộ bài tây loại 52 lá, trong đó 02 bộ đã qua sử dụng và 03 bộ chưa qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu bằng lát được nhuộm nhiều màu và 01 (một) vỏ lon sữa bằng kim loại hiệu Similac đã qua sử dụng là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng. Nghĩ nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen của bị cáo Lê Bửu T liên quan đến hành vi phạm tội. Nghĩ nên tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen của bị cáo Nguyễn Văn Ng liên quan đến hành vi phạm tội. Nghĩ nên tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, màn hình cảm ứng của bị cáo Nguyễn Trường S liên quan đến hành vi phạm tội. Nghĩ nên tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu Oppo màu trắng, màn hình cảm ứng của bị cáo Nguyễn Văn Vũ N không liên quan đến hành vi phạm tội. Nghĩ nên tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ N.

- Tiền Việt Nam 17.210.000 đồng, trong đó 7.000.000 đồng của bị cáo T; 2.500.000 đồng của bị cáo bị cáo N và 300.000 đồng của bị cáo Ng không liên quan đến hành vi phạm tội nghĩ nên tuyên trả cho bị cáo T, bị cáo N và bị cáo Ng nhưng giữ lại giao cho cơ quan thi hành án tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo. Số tiền còn lại 7.410.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, nghĩ nên tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu Masstel loại bàn phím, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, màn hình cảm ứng và tiền Việt Nam 2.200.000 đồng của anh Trần Văn X tiếp tục giao cho Công an huyện Càng Long quản lý, khi nào làm việc được với anh X sẽ xử lý sau.

*Về án phí hình sự sơ thẩm:* Buộc các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 327, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

**[1]** Tuyên bố các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng phạm tội “Đánh bạc”.

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Bửu T 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

[1.3] Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Vũ N 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

[1.4] Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ng 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

**[2] Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;



*\* Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:*

- Tiền Việt Nam 7.410.000 đồng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, màn hình cảm ứng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen.

*\* Tuyên tịch thu tiêu hủy:* 05 (năm) bộ bài tây loại 52 lá, trong đó 02 bộ đã qua sử dụng và 03 bộ chưa qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu bằng lát được nhuộm nhiều màu và 01 (một) vỏ lon sữa bằng kim loại hiệu Similac đã qua sử dụng.

*\* Tuyên giao trả:*

- Tiền Việt Nam 2.500.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ N.
- Tiền Việt Nam 7.000.000 đồng cho bị cáo Lê Bửu T.
- Tiền Việt Nam 300.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn Ng.

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long tiếp tục quản lý số tiền trên để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, màn hình cảm ứng cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ N.

### **[3] Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Lê Bửu T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn Vũ N và Nguyễn Văn Ng mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng tiền án phí.

Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Kim Nhung**